

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2026/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ lễ tang, phúng điếu và các hoạt động phục vụ lễ tang đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên được nhận Huy hiệu Đảng, người có công với cách mạng và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 237/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 2464/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lễ tang, phúng điếu và các hoạt động phục vụ lễ tang đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên được nhận Huy hiệu Đảng, người có công với cách mạng và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 688/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lễ tang, phúng điếu và các hoạt động phục vụ lễ tang đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên được nhận Huy hiệu Đảng, người có công với cách mạng và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ lễ tang, phúng điếu và các hoạt động phục vụ lễ tang đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý (đương chức, nguyên chức), đảng viên được nhận Huy hiệu Đảng, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý (đương chức, nguyên chức);

b) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về Ưu đãi người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; con đẻ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

c) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước hiện do ngành Nội vụ quản lý và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí theo quy định;

d) Đối tượng chính sách khác đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, giải quyết chế độ, hiện đang do ngành Nội vụ quản lý để thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí theo quy định;

đ) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu từ 30 năm tuổi đảng trở lên;

e) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lễ tang, thực hiện chế độ phúng điếu, hỗ trợ lễ tang theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Cấp xã” gồm xã, phường, thị trấn;
2. “Cấp huyện” gồm huyện, thị xã và thành phố;
3. “Cấp ủy cấp huyện” bao gồm huyện ủy, thị ủy và thành ủy;
4. “Đảng ủy xã” bao gồm đảng ủy xã, phường.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ lễ tang

1. Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh được tổ chức theo nghi thức Lễ tang cấp cao.

2. Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/trường hợp, đối với: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chồng Bà mẹ Việt Nam anh hùng (là cha hoặc người có công nuôi dưỡng liệt sĩ); Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động.

3. Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức): Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

4. Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức):

- a) Tỉnh ủy viên;
- b) Trưởng các cơ quan, sở, ban ngành tỉnh và tương đương;
- c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đồng thời là cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không là Tỉnh ủy viên);
- d) Cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (nguyên chức trước

ngày 01 tháng 7 năm 2025);

đ) Nguyên Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương;

e) Nghệ sỹ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ nhân nhân dân được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật và khoa học - công nghệ (trừ các chức danh tổ chức lễ tang cấp cao);

g) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên (trừ các chức danh tổ chức lễ tang cấp cao).

5. Mức hỗ trợ 13.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức):

a) Phó Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Đảng ủy các Cơ quan Đảng tỉnh và tương đương;

b) Phó các cơ quan, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương;

c) Bí thư Đảng ủy cấp xã (không là Tỉnh ủy viên, được bổ nhiệm, bầu cử, chuẩn y, phê chuẩn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

d) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

đ) Nguyên Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương;

e) Nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức): Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (được bổ nhiệm, bầu cử, chuẩn y, phê chuẩn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau) và các chức danh tương đương.

7. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức, nguyên chức):

a) Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh và tương đương;

b) Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện;

c) Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Cấp trưởng các cơ quan khu vực thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;

đ) Nguyên Cấp ủy viên, Trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương;

e) Nguyên Giám đốc các công ty trực thuộc cấp huyện có vốn nhà nước 100%; Nguyên Bí thư Đảng ủy cấp xã (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025);

g) Trưởng các phòng, ban trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương;

h) Trưởng các phòng, ban thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy

các Cơ quan Đảng tỉnh và tương đương;

i) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

k) Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (được bổ nhiệm, bầu cử, chuẩn y, phê chuẩn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

l) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu từ 60 năm tuổi Đảng đến dưới 70 năm tuổi Đảng.

8. Mức hỗ trợ 8.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức):

a) Cấp phó các cơ quan khu vực thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;

b) Phó các phòng, ban trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương;

c) Nguyên Phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương;

d) Nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra cấp ủy huyện ủy và tương đương;

đ) Nguyên Phó Giám đốc các công ty trực thuộc huyện có vốn nhà nước 100%;

e) Nguyên Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025);

g) Trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và tương đương (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

h) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy các Cơ quan Đảng tỉnh (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

i) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

k) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu từ 50 năm tuổi Đảng đến dưới 60 năm tuổi Đảng.

9. Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/trường hợp, đối với các chức danh (đương chức và nguyên chức):

a) Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025);

b) Phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và tương đương (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

c) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cấp xã (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về sau);

d) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu từ 40 năm tuổi Đảng đến dưới 50

năm tuổi Đảng.

10. Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/trường hợp, đối với:

- a) Người có công theo quy định của pháp luật về Ưu đãi người có công với cách mạng (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 điều này);
- b) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng;
- c) Con đẻ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;
- d) Đối tượng chính sách khác đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, giải quyết chế độ và hiện do ngành Nội vụ quản lý để thực hiện các quyền lợi về bảo hiểm y tế, mai táng phí;
- đ) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước.
- e) Cán bộ, đảng viên được nhận Huy hiệu từ 30 năm tuổi Đảng đến dưới 40 năm tuổi Đảng.

Điều 4. Chi phí phúng điếu của các đoàn viếng tang

1. Các chức danh thuộc diện tổ chức lễ Quốc tang, lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao, lễ tang cấp tỉnh

- a) Thuộc diện tổ chức lễ Quốc tang: Đoàn cấp tỉnh: 20.000.000 đồng/trường hợp;
- b) Thuộc diện tổ chức lễ tang cấp Nhà nước: Đoàn cấp tỉnh: 15.000.000 đồng/trường hợp;
- c) Thuộc diện tổ chức lễ tang cấp cao: Đoàn cấp tỉnh: 10.000.000 đồng/trường hợp;
- d) Thuộc diện tổ chức lễ tang cấp tỉnh: Đoàn cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/trường hợp;
- đ) Đoàn cấp xã: 3.000.000 đồng/trường hợp.

2. Các chức danh theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 4, khoản 5, khoản 6 và các điểm a, b, c, d khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này do Đảng ủy cấp xã tổ chức lễ tang và có thành phần Đoàn cấp tỉnh đi viếng tang

- a) Đoàn cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/trường hợp;
- b) Đoàn cấp xã: 3.000.000 đồng/trường hợp.

3. Các chức danh theo quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này do Đảng ủy cấp xã tổ chức lễ tang

Đoàn cấp xã: 2.000.000 đồng/trường hợp.

4. Trường hợp đặc biệt, đối tượng thuộc diện cán bộ công tác ở tỉnh khác (bao gồm cả cán bộ hưu trí) và thân nhân cán bộ ngoài tỉnh khi từ trần:

- a) Cán bộ thuộc diện tổ chức lễ Quốc tang, lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp

cao: Đoàn cấp tỉnh: 10.000.000 đồng/trường hợp;

b) Các trường hợp đặc biệt thuộc diện đối ngoại ngoài tỉnh: Đoàn cấp tỉnh 5.000.000 đồng/trường hợp.

5. Đối với thân nhân chủ yếu (cha mẹ ruột, cha mẹ vợ/chồng, vợ/chồng) của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

a) Đoàn cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/trường hợp;

b) Đoàn cấp xã: 1.000.000 đồng/trường hợp;

6. Trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lễ tang và có thành phần Đoàn cấp tỉnh đi viếng tang

a) Đoàn cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/trường hợp;

b) Đoàn cấp xã: 3.000.000 đồng/trường hợp.

7. Đối với các chức danh còn lại do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lễ tang, Đoàn cấp xã được hỗ trợ như sau:

a) 2.000.000 đồng/trường hợp đối với trường hợp theo quy định tại điểm l khoản 7 và điểm k khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này;

b) 1.000.000 đồng/trường hợp đối với các chức danh theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 8, khoản 9 và điểm e khoản 10 Điều 3 Nghị quyết này.

8. Đối với thân nhân chủ yếu (cha mẹ ruột, cha mẹ vợ/chồng, vợ/chồng) của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy xã quản lý.

Đoàn cấp xã: 1.000.000 đồng/trường hợp.

Điều 5. Chi phí của Ban Tổ chức lễ tang

1. Ban Tổ chức lễ tang cấp tỉnh, mức chi không quá 15.000.000 đồng/trường hợp (*thanh toán theo thực tế*) đối với các chức danh theo quy định tại khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này. Nội dung chi gồm: Chi phí tổ chức lễ tang (*các khoản trang trí, in ấn, biểu mẫu, sổ ghi danh sách, tiểu sử tổ chức lễ tang, lễ viếng, ...*); chi phí thực hiện vòng hoa luân phiên.

2. Ban Tổ chức lễ tang do Đảng ủy cấp xã tổ chức:

a) Mức chi không quá 12.000.000 đồng/trường hợp (*thanh toán theo thực tế*) đối với các chức danh theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 4, khoản 5, khoản 6 và các điểm a, b, c, d khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này. Nội dung chi gồm: các khoản trang trí, in ấn, biểu mẫu, sổ ghi danh sách, tiểu sử tổ chức lễ tang, lễ viếng,..., chi phí thực hiện vòng hoa luân phiên.

b) Mức chi không quá 3.000.000 đồng/trường hợp (*thanh toán theo thực tế*) đối với các chức danh theo quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này. Nội dung chi gồm: các khoản trang trí, in ấn, biểu mẫu, sổ ghi danh sách, tiểu sử tổ chức lễ tang, lễ viếng,... (không thực hiện vòng hoa luân phiên).

3. Ban Tổ chức lễ tang do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức

a) Mức chi không quá 3.000.000 đồng/trường hợp (*thanh toán theo thực tế*) đối với các chức danh theo quy định tại khoản 2, điểm 1 khoản 7 và khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này (trừ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chi phí tổ chức lễ tang thực hiện theo quy định của pháp luật về Ưu đãi người có công với cách mạng). Nội dung chi gồm: các khoản trang trí, in ấn, biểu mẫu, sổ ghi danh sách, tiểu sử tổ chức lễ tang, lễ viếng,... (không thực hiện vòng hoa luân phiên).

b) Mức chi không quá 1.000.000 đồng/trường hợp (*thanh toán theo thực tế*) đối với các chức danh theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 3 Nghị quyết này. Nội dung chi gồm: các khoản trang trí, in ấn, biểu mẫu, sổ ghi danh sách, tiểu sử tổ chức lễ tang, lễ viếng,... (không thực hiện vòng hoa luân phiên).

Điều 6. Chi phí khác phục vụ việc viếng tang

1. Chi phí mua tràng hoa, mâm trái cây phục vụ cho Đoàn cấp tỉnh đi viếng tang theo quy định của tỉnh được thanh toán theo thực tế (đối với các trường hợp ngoài tỉnh, có xác nhận của đại diện do Trưởng đoàn giao) nhưng không quá 3.000.000 đồng/trường hợp.

2. Chi phí phục vụ cho Đoàn cấp tỉnh đi viếng tang theo quy định của tỉnh (xăng xe, tiền ăn, nước uống của Đoàn) được thanh toán theo thực tế (đối với các trường hợp ngoài tỉnh, có xác nhận của đại diện do Trưởng đoàn giao).

3. Chi phí mua tràng hoa, mâm trái cây phục vụ cho Đoàn cấp xã khi đi viếng tang theo quy định của tỉnh được thanh toán theo thực tế và có xác nhận của đại diện do Trưởng đoàn giao, nhưng không quá 1.500.000 đồng/trường hợp.

4. Chi phí phục vụ cho Đoàn cấp xã đi viếng tang theo quy định của tỉnh (xăng xe, tiền ăn, nước uống của Đoàn) được thanh toán theo thực tế (có xác nhận của đại diện do Trưởng đoàn giao).

5. Các khoản chi tràng hoa, mâm trái cây phục vụ lễ tang đã được Ban Tổ chức lễ tang thực hiện theo quy định về tổ chức lễ tang cấp cao và Điều 5 Nghị quyết này thì không thanh toán trùng lặp trong chi phí phục vụ đoàn đi viếng tang quy định tại Điều này.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Nghị quyết này thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí hỗ trợ lễ tang cho gia đình người từ trần theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này do ngân sách tỉnh bảo đảm và phân cấp cho ngân sách cấp xã tổ chức thực hiện chi.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chính sách hỗ trợ lễ tang, mai táng, phúng điếu đối với cán bộ, công chức, viên chức, đối tượng chính sách, người có công khi từ trần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chính sách hỗ trợ lễ tang, mai táng, phúng điếu đối với cán bộ, công chức, viên chức, đối tượng chính sách, người có công khi từ trần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và có nơi thường trú tại 36 xã, phường thuộc tỉnh Tây Ninh trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật từ trần trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ lễ tang, thì tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 3 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận: *Hien*

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng